

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2025/HS-ST
Ngày 26-02-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Duy Khương**

Ông **Nguyễn Thành Thái**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Huyền Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Hoài Khanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 111/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2024 về tội “Cố ý gây thương tích” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Danh E, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1989, tại K; Nơi cư trú: Tổ 2, ấp M, xã B, huyện C, tỉnh K; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Danh S1 (chết) và bà Thị S2, sinh năm 1962; Vợ là Thị Y, sinh năm 1990 và có 01 người con sinh năm 2024; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/10/2024 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh K. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Anh **Trịnh Văn H**, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 2, ấp M, xã B, huyện C, tỉnh K.

Người làm chứng:

1/ Ông **Danh S**, sinh năm 1977 (vắng mặt)

2/ Ông **Danh Thanh H**, sinh năm 1985 (có mặt)

3/ Chị **Thị Y**, sinh năm 1990 (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn từ trước trong việc tranh chấp đất đai, khoảng 16 giờ ngày 26 tháng 5 năm 2024, sau khi uống rượu cùng bạn bè thì Danh E đi về nhà tại tổ 2, ấp M, xã B, huyện C, tỉnh K. Khi về đến nhà thì Danh E có nghe vợ là Thị Y nói là có Danh S đến nhà tìm, nghe vậy nên E đi đến cặp vách nhà bà Thị S1 (mẹ ruột của E) và cũng cặp vách nhà của H để tiêu, lúc này E nghe tiếng S và H đang nói chuyện (trước đó H và S có tổ chức uống rượu cùng với nhau), E không biết nói chuyện gì nhưng có nhắc đến tên của E, do vậy E ra trước hàng rào nhà bà S lấy 01 khúc gỗ loại vuông dài khoảng 60cm đi đến chỗ S và H, đánh trúng vào đầu H, H ngồi xuống ôm đầu thì Em tiếp tục dùng cây đánh làm trúng tay trái của H. Sau đó, Danh E được Danh Thanh H (anh ruột) chạy đến can ngăn và kéo E đi về nhà. H được mọi người đưa đi bệnh viện điều trị thương tích đến ngày 28/5/2024 thì xuất viện gửi đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với E.

Tại bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 491/KLTTCT-PY ngày 22/7/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Kiên Giang đối với anh Trịnh Văn H như sau:

1. Các kết quả chính:

- Sẹo phần mềm vùng trán - đỉnh phải.
- Gãy đầu dưới xương trụ trái. Hiện xương chưa liền.

2. Kết luận:

2.1. Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trịnh Văn H tại thời điểm giám định là 22% (Hai mươi hai phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

2.2. Tỷ lệ tổn thương do thương tích gây nên tại thời điểm giám định ở:

- Vùng trán - đỉnh phải là: 01% (Một phần trăm).
- Cẳng tay trái là: 21% (Hai mươi một phần trăm).

2.3. Vật gây thương tích:

- Thương tích ở vùng trán - đỉnh phải do vật tày có cạnh gây nên.
- Thương tích ở cẳng tay trái (gãy xương trụ) do vật tày gây nên.

Về vật chứng của vụ án: Sau khi gây án bị cáo Danh E đã ném bỏ hung khí nhưng không rõ ném ở đâu. Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không thu giữ được hung khí.

Tại bản cáo trạng số: 07/CT-VKS ngày 30/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh K đã truy tố bị cáo Danh E về tội: “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Danh E phạm tội: “Cố ý gây thương tích”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Danh E** từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585 và Điều 590 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Danh E phải bồi thường cho anh Trịnh Văn H chi phí điều trị thương tích và các chi phí khác với số tiền là 15.772.230 đồng (Trong đó: Chi phí điều trị vết thương 3.172.230 đồng, tiền mất thu nhập do lao động không được 10.000.000 đồng, tiền công người chăm sóc bị hại là 600.000 đồng, chi phí tàu xe tái khám là 2.000.000 đồng), làm tròn là 15.772.000 đồng.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành.

Bị cáo nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như bản Cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, thể hiện: Do bị cáo Danh E và anh Trịnh Văn H có mâu thuẫn từ trước trong việc tranh chấp đất đai nên vào khoảng 16 giờ ngày 26/5/2024 sau khi uống rượu cùng bạn bè bị cáo đi về nhà thì nghe vợ bị

cáo nói có Danh S tìm bị cáo, khi bị cáo đến cặp vách nhà của anh H thì nghe S và anh H đang nói chuyện có nhắc tên bị cáo nên bị cáo lấy 01 khúc gỗ loại vuông dài khoảng 60cm (là hung khí nguy hiểm) đi đến chỗ S và H đánh vào đầu anh H, anh H ngồi xuống ôm đầu thì bị cáo tiếp tục dùng cây đánh làm trúng tay trái của anh H gây thương tích với tỷ lệ là 22%.

Từ đó, cho thấy cáo trạng của VKS nhân dân huyện C truy tố bị cáo Danh E về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của công dân và gây mất an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Bị cáo nhận thức rõ việc gây thương tích cho người khác là sai trái và vi phạm pháp luật, thế nhưng chỉ vì mâu thuẫn nhỏ mà bị cáo dùng khúc gỗ vuông là hung khí nguy hiểm để gây thương tích cho anh Trịnh Văn Hà. Hành vi của bị cáo thể hiện thái độ xem thường sức khỏe của người khác, xem nhẹ quy định của pháp luật và gây dư luận xấu trong xã hội. Do đó, cần có mức án nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo nhằm phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và là người dân tộc thiểu số nên cần xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, **khoản 2** Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét khi quyết định hình phạt cho bị cáo là phù hợp và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bị hại cũng như tại phiên tòa anh Trịnh Văn H yêu cầu bị cáo phải bồi thường các chi phí điều trị thương tích cho anh với số tiền là 15.772.230 đồng (Trong đó: chi phí điều trị vết thương 3.172.230 đồng, tiền mất thu nhập do lao động không được 10.000.000 đồng, tiền công người chăm sóc bị hại là 600.000 đồng, chi phí tàu xe tái khám là 2.000.000 đồng), làm tròn là 15.772.000 đồng, ngoài ra anh không yêu cầu bồi thường gì thêm. Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của anh Hà nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[8] Về biện pháp tư pháp: Đối với khúc cây mà bị cáo Danh E sử dụng để làm hung khí gây án thì sau khi phạm tội bị cáo đã ném bỏ và không xác định được ném

ở đâu nên Cơ quan cảnh sát điều tra không tìm thấy được do đó HĐXX không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Danh E phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Danh E 02** (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 31/10/2024.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tiếp tục tạm giam bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584; Điều 585 và Điều 590 Bộ luật dân sự, xử buộc bị cáo Danh E phải bồi thường cho bị hại anh Trịnh Văn H số tiền 15.772.000 đồng (mười lăm triệu bảy trăm bảy mươi hai ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử buộc bị cáo Danh E phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 788.600 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- Sở tư pháp tỉnh K;
- VKSND huyện C;
- Công An huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Phạm Ngọc Khánh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**Các Hội Thẩm nhân dân****Thẩm phán - Chủ Tọa Phiên Tòa****Danh Phạm Ngọc Khánh**

